

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÁNH LINH  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 09-3-2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,  
chia tài sản chung, nợ chung khi ly  
hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Văn Bình.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Giáp Hà Tĩnh và Bà Huỳnh Thị Yến.

*- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Biện Việt Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 355/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung, nợ chung khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2021; Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 02/TB-TA ngày 17/02/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Tạ Văn C, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Xóm 03, thôn Ph, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Linh G, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Xóm 03, thôn Ph, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Cháu Tạ Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 26/9/2002;

3.2 Cháu Tạ Nguyễn Ngọc Th, sinh ngày 12/10/2009;

3.3 Cháu Tạ Nguyễn Khánh Ng, sinh ngày 20/4/2015;

3.4 Ông Tạ Quang V, sinh năm 1954;

3.5 Bà Phạm Thị Ng1, sinh năm 1954;

Cùng nơi cư trú: Thôn Ph, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

3.6 Công ty TNHH một thành viên thương mại dịch vụ T1. (Sau đây viết tắt là công ty T1); Địa chỉ: Thôn Ph, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Người đại diện theo pháp luật: Anh Tạ Văn C, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Thôn Ph, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

3.7 Ngân hàng N1; Địa chỉ: Số 02, L2, phường Th2, quận B2, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N1: Ngân hàng N1 - Chi nhánh huyện T, tỉnh Bình Thuận (sau đây viết tắt là Agribank T); Địa chỉ: 445 Trần Hưng Đạo, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Theo Quyết định ủy quyền số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019 của Tổng giám đốc - Ngân hàng N1.

Người đại diện theo pháp luật của Agribank T: Ông Nguyễn Xuân H1 – Phó giám đốc phụ trách Agribank T; Theo Quyết định ủy quyền số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019 của Tổng giám đốc - Ngân hàng N1.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Xuân H1: Ông Nguyễn Thanh D, sinh năm 1975; Nơi cư trú: thôn 05, xã Ng, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Đơn vị công tác: Agribank T; Theo văn bản ủy quyền ngày 21/01/2021.

4. Người làm chứng:

1. Bà Đỗ Thị V1, sinh năm 1957; Nơi cư trú: Thôn Ph, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

2. Ông Mai Trí M, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Thôn Ph, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt: Anh C; Chị G;

Tại phiên tòa vắng mặt: Ông M, ông V, bà Ng1 (có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt); Vắng mặt cháu N, cháu Th, cháu Ng; Vắng mặt bà V1 (Tòa án không triệu tập); Vắng mặt ông Nguyễn Thanh D (có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt); Vắng mặt Kiểm sát viên không rõ lý do.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai tại phiên tòa nguyên đơn anh Tạ Văn C trình bày:*

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh Tạ Văn C và và chị Nguyễn Thị Linh G tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 17/11/2001 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống với gia đình Anh C tại thôn Ph, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Năm 2002 thì mua đất, xây dựng nhà và sinh sống từ đó đến nay. Thời gian đầu vợ chồng chung

sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn; Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, lối sống. Từ năm năm 2018 đến nay, vợ chồng sống ly thân. Hiện nay, Anh C khẳng định mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, kéo dài, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân để xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được, Anh C không muốn sống đoàn tụ với Chị G nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

+ Về con chung: Anh Tạ Văn C và chị Nguyễn Thị Linh G 03 con chung tên là: Tạ Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 26/9/2002; Tạ Nguyễn Ngọc Th, sinh ngày 12/10/2009; Tạ Nguyễn Khánh Ng, sinh ngày 20/4/2015.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đề nghị Tòa án giao cháu Tạ Nguyễn Khánh Ng, sinh ngày 20/4/2015 cho Anh C trực tiếp chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên; Đề nghị Tòa án lấy ý kiến của cháu Tạ Nguyễn Thị Yến N và Tạ Nguyễn Ngọc Th, nếu các cháu đồng ý ở với ai thì nguyên đơn sẽ tôn trọng ý kiến của các cháu. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh Tạ Văn C và chị Nguyễn Thị Linh G tạo lập được khối tài sản chung gồm:

- 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 86m<sup>2</sup> gắn liền với diện tích 444m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 38, tờ bản đồ số 55; tọa lạc tại thôn Ph, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là giấy chứng nhận) số BI 916174 do Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện T cấp ngày 04/4/2012 đứng tên hộ anh Tạ Văn C và chị Nguyễn Thị Linh G.

- Diện tích 884,5m<sup>2</sup> (đất trồng lúa) thuộc thửa đất số 650, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại thôn Ph, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Theo Giấy chứng nhận số BY 635052 do UBND huyện T cấp ngày 30/6/2015 đứng tên anh Tạ Văn C.

- Diện tích 1.623,6m<sup>2</sup> (đất trồng lúa), thuộc thửa đất số 74, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại thôn Ph, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Theo Giấy chứng nhận số CH 201789 do UBND huyện T cấp ngày 10/10/2017 đứng tên anh Tạ Văn C.

- 920 cây cao su 08 năm tuổi đang cho thu hoạch gắn liền với diện tích 17.184,6m<sup>2</sup> (đất trồng cây cao su) thuộc thửa đất số 225, tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại thôn Ph, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Theo Mạnh chính lý thửa đất do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Tánh Linh lập ngày 17/7/2020.

- Toàn bộ tài sản của công ty T1; Địa chỉ thôn Ph, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận do anh Tạ Văn C làm đại diện theo pháp luật.

+ Về nợ chung: Anh Tạ Văn C xác định hiện nay Anh C và Chị G còn nợ Agribank T số tiền 700.000.000 đồng (*bảy trăm triệu đồng*) tiền nợ gốc và toàn bộ tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số DN 007.16/HĐTD ngày 11/11/2016 và Hợp đồng thế chấp

quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số DN 007A.16/HĐTD ngày 11/11/2016.

Từ thời điểm vay tiền đến nay, Anh C là người trả tiền lãi Ngân hàng đối với khoản vay nêu trên. Anh Tạ Văn C đề nghị Tòa án chia đôi tài sản chung và nợ chung theo tỷ phần đều nhau.

*Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị Linh G trình bày:*

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Linh G thống nhất lời khai về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng như nguyên đơn anh Tạ Văn C đã trình bày, ngoài ra Chị G còn cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng còn do Anh C có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Hiện nay, Chị G khẳng định mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, kéo dài, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân để xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được, Chị G không muốn sống đoàn tụ nên đồng ý ly hôn với Anh C.

+ Về con chung: Chị G thống nhất lời khai với lời khai của Anh C về con chung. Chị G đề nghị Tòa án giao 03 con chung tên là cháu Tạ Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 26/9/2002; Tạ Nguyễn Ngọc Th, sinh ngày 12/10/2009; Tạ Nguyễn Khánh Ng, sinh ngày 20/4/2015 cho Chị G trực tiếp chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên. Không yêu cầu Anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Chị G thống nhất lời khai với lời khai của Anh C về tài sản chung. Chị G cho rằng Chị G có đóng góp công sức nhiều hơn trong việc tạo lập tài sản chung, mặt khác nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do Anh C có quan hệ ngoài hôn nhân nên đề nghị Tòa án chia cho chị phần tài sản nhiều hơn so với Anh C. Chị G đề nghị được nhận nhà ở gắn liền với đất ở hiện nay đang sử dụng để có nơi sinh hoạt và chăm sóc các con.

+ Về nợ chung: Chị G cho rằng hiện nay vợ chồng chỉ nợ Agribank T số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) tiền nợ gốc và toàn bộ tiền lãi phát sinh, chỉ đồng ý trả nợ chung đối với số tiền này. Đối với khoản nợ 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) do Anh C tự ý vay và sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân nên Chị G không đồng ý trả nợ.

*Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Tạ Nguyễn Thị Yến N và cháu Tạ Nguyễn Ngọc Th trình bày:*

Cháu Tạ Nguyễn Thị Yến N và cháu Tạ Nguyễn Ngọc Th là con chung của anh Tạ Văn C và chị Nguyễn Thị Linh G. Quá trình sống với cha mẹ thì cháu N, cháu Ngọc Th chứng kiến việc cha mẹ mâu thuẫn. Nếu cha mẹ ly hôn thì cháu N, cháu Ngọc Th có nguyện vọng được sống với mẹ để thuận tiện cho việc học tập.

*Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tạ Quang V và bà Phạm Thị Ngl trình bày:*

Ông V và bà Ng1 là cha mẹ ruột của anh Tạ Văn C, là cha mẹ chồng của chị Nguyễn Thị Linh G. Ông V và bà Ng1 cho rằng trước đây vợ chồng Anh C, Chị G sống hạnh phúc. Tuy nhiên trong những năm gần đây, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất hòa, nguyên nhân mâu thuẫn là do Anh C không chung thủy với vợ, có quan hệ ngoài hôn nhân với Chị G. Hiện nay Anh C yêu cầu ly hôn với Chị G thì ông V và bà Ng1 không có ý kiến gì. Trước đây vợ chồng ông V và bà Ng1 cho vợ chồng Anh C, Chị G mượn thửa đất số 65, tờ bản đồ số 4, diện tích 10.100m<sup>2</sup> địa chỉ thửa đất tại xã Đ, huyện T, theo Giấy chứng nhận số C 796996 do UBND huyện T cấp ngày 06/11/1995 đứng tên ông Tạ Quang V để thế chấp tại Ngân hàng Agribank T. Việc thế chấp vay tiền để đầu tư phát triển kinh tế gia đình, còn cụ thể thế chấp bao nhiêu tiền thì ông V, bà Ng1 không biết. Ông V, bà Ng1 đề nghị Anh C, Chị G phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 796996 cho vợ chồng ông bà.

*Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của Agribank T là ông Nguyễn Thanh D trình bày:*

Hiện nay vợ chồng anh Tạ Văn C và chị Nguyễn Thị Linh G đang nợ Agribank T tổng cộng số tiền 700.000.000 đồng (*bảy trăm triệu đồng*) là tiền nợ vay gốc và toàn bộ số tiền lãi phát sinh; Theo Hợp đồng tín dụng số DN 007.16/HĐTD ngày 05/12/2016 đã được xác lập, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số DN 007.16/HĐTD ngày 05/12/2016 gồm 02 khoản vay theo từng giấy nhận nợ: Khoản vay ngắn hạn (vay 12 tháng) số tiền 300.000.000 đồng và khoản vay trung hạn (vay 60 tháng) số tiền 400.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho khoản nợ vay số tiền 700.000.000 đồng, khách hàng vay vốn là công ty T1, người đại diện theo pháp luật của công ty là anh Tạ Văn C, chức vụ: Giám đốc công ty, đã dùng các tài sản sau để thế chấp vay vốn cụ thể:

+ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số DN 007.16/HĐTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 (gồm giấy chứng nhận số BI 916174 do UBND huyện T cấp ngày 04/4/2012, thửa số 38, tờ bản đồ 55, diện tích 444m<sup>2</sup>, đứng tên Tạ Văn C và Nguyễn Thị Linh G.

+ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số DN 007A.16/HĐTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 (gồm giấy chứng nhận số C 796996 do UBND huyện T cấp ngày 06/11/1995, thửa số 65, tờ bản đồ số 4, diện tích 10.100m<sup>2</sup>, đứng tên Tạ Quang V và Phạm Thị Ng1.

Toàn bộ các tài sản thế chấp trên đã được đăng ký thế chấp theo đúng quy định của pháp luật và quy định của Ngân hàng.

Ngày 23/11/2018, anh Tạ Văn C đã đến ngân hàng tất toán khoản nợ 300.000.000 đồng của hợp đồng tín dụng số: DN007.16/HĐTD ngày 05/12/2016 (khoản dư nợ còn lại 400.000.000 đồng cho vay trung hạn 60 tháng vẫn còn hiệu lực thời hạn trả nợ cuối cùng đến ngày 11/11/2021.

Để tạo điều kiện cho Công ty có vốn sản xuất kinh doanh, ngày 23/11/2018 Agribank T và công ty T1, người đại diện theo pháp luật của công ty là anh Tạ Văn C, chức vụ: Giám đốc, đã cùng ký kết hợp đồng tín dụng số: 4814LAV201810866, ngày 23/11/2018, với số tiền là 300.000.000 đồng (*ba trăm triệu đồng*) thời hạn cho vay 12 tháng.

Như vậy tính đến ngày 09/3/2021 thì khoản nợ của công ty T1, người đại diện theo pháp luật của công ty là anh Tạ Văn C, chức vụ: Giám đốc hiện nay còn nợ Agribank T tổng cộng số tiền 816.925.000 đồng (*tám trăm mười sáu triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng*), trong đó nợ gốc là 700.000.000 đồng, nợ lãi là 116.925.000 đồng, cụ thể như sau:

Tại hợp đồng tín dụng số: DN 007.16 ngày 05/12/2016, số tiền gốc: 400.000.000 đồng, số tiền lãi tính đến ngày 09/3/2021 là: 75.167.000 đồng.

Tại hợp đồng tín dụng số: 4814LAV201810866 ngày 23/11/2018, số tiền gốc: 300.000.000 đồng, số tiền lãi tính đến ngày 09/3/2021 là: 41.758.000 đồng.

Agribank T đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu vợ chồng anh Tạ Văn C và chị Nguyễn Thị Linh G phải có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng với số tiền 816.925.000 đồng (*tám trăm mười sáu triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) trong đó nợ gốc là 700.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 9/3/2021 là 116.925.000 đồng, ngoài ra còn phải trả lãi phát sinh kể từ ngày 10/3/2021 cho đến khi trả hết nợ.

Trong trường hợp anh Tạ Văn C và chị Nguyễn Thị Linh G, không thực hiện việc trả nợ cho ngân hàng thì Ngân hàng kiến nghị với Tòa án cùng các cơ quan thực thi pháp luật phải xử lý tài sản thế chấp của anh Tạ Văn C và chị Nguyễn Thị Linh G và tài sản bảo lãnh của bên thứ ba là ông Tạ Quang V và bà Phạm Thị Ng1 để trả nợ cho ngân hàng.

*Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng ông Mai Trí M trình bày:*

Khoảng năm 2013, Ông M có thành lập doanh nghiệp gỗ lấy tên là công ty T1. Ông M có nhờ anh Tạ Văn C làm đại diện theo pháp luật. Tuy nhiên, Anh C không góp bất cứ một khoản tiền nào vào Công ty. Tất cả mọi hoạt động của doanh nghiệp đều do Ông M quyết định. Anh C không được tham gia điều hành công ty mà chỉ góp tiền mua sản phẩm gỗ để chia lợi nhuận sau khi bán hàng. Lợi nhuận sẽ được chia theo tỷ lệ góp vốn khi nhập nguyên liệu gỗ đầu vào. Lợi nhuận sẽ được chia theo từng tháng, cuối tháng kế toán Công ty sẽ tổng hợp lại thu chi, sau khi trừ chi phí sẽ chia lợi nhuận theo tỷ lệ góp vốn bằng tiền mặt, tháng nào quyết toán tháng đó.

Ông M khẳng định công ty T1 và toàn bộ tài sản của công ty là tài sản riêng của cá nhân Ông M, không liên quan đến vợ chồng Anh C, Chị G. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng bà Đỗ Thị V1 trình bày:*

Năm 2016, bà Đỗ Thị V1 cho anh Tạ Văn C và ông Mai Trí M thuê diện tích 200m<sup>2</sup> đất để làm xưởng xẻ gỗ đồng thời làm trụ sở giao dịch của công ty T1, thời hạn thuê là 10 năm, giá thuê 800.000 đồng/tháng, mỗi năm trả 02 lần, mỗi lần trả 4.800.000 đồng. Bà V1 chỉ cho Anh C và Ông M thuê đất, còn toàn bộ diện tích đất nêu trên vẫn thuộc quyền sử dụng của bà V1. Về quan hệ hôn nhân giữa Anh C, Chị G thì bà V1 không liên quan gì, bà V1 cũng không yêu cầu gì thêm.

Tại Biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân ngày 28/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh với đại diện thôn Ph, xã Đ, huyện T xác định: Khoảng năm 2018 đến nay, trong cuộc sống hàng ngày thì vợ chồng Anh C, Chị G phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, có lần vợ chồng còn có hành vi đánh đập lẫn nhau tại xưởng gỗ của Anh C, sau khi sự việc xảy ra, vợ chồng Anh C, Chị G đã sống ly thân.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Tại phiên hòa giải, các đương sự chỉ thỏa thuận được với nhau về việc thuận tình ly hôn, đối với các vấn đề khác không thỏa thuận được với nhau nên hòa giải không thành. Do đó Tòa án mở phiên tòa để xét xử đối với vụ án.

***Tại phiên tòa:***

+ *Nguyên đơn anh Tạ Văn C trình bày:*

Anh Tạ Văn C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh C đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với Chị G.

- Về con chung: Anh C đề nghị Tòa án giao cháu Tạ Nguyễn Khánh Ng, sinh ngày 20/4/2015 cho Anh C được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục cho đến khi ở thành niên. Đề nghị Tòa án giao cháu Tạ Nguyễn Ngọc Th, sinh ngày 12/10/2009 cho Chị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Không yêu cầu Chị G cấp dưỡng. Đối với cháu Tạ Nguyễn Thị Yến N đến nay đã hơn 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh Tạ Văn C đề nghị Tòa án chia đôi tài sản chung theo kỷ phần, bên nào nhận tài sản có giá trị nhiều hơn thì phải hoàn trả khoản tiền chênh lệch về giá trị tương ứng với phần tài sản được chia. Đề nghị Tòa án giao cho ông được quyền sử dụng đất, cây cao su trên đất đối với thửa đất rẫy cao su và 02 thửa đất ruộng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với nhà ở và quyền sử dụng đất thì Anh C đề nghị chia đôi, ai nhận nhà thì có trách nhiệm hoàn trả lại giá trị.

Ngoài ra, tại “đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện” đề ngày 21/12/2020, Anh C xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với các tài sản của công ty T1 trị giá 69.736.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa, Anh C thay đổi nội dung rút yêu cầu khởi kiện, Anh C tiếp tục yêu cầu khởi kiện bổ sung về việc chia tài sản chung của công ty T1.

- Về nợ chung: Anh C xác nhận hiện nay còn nợ Agribank T số tiền gốc 700.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh đến ngày 09/3/2021, Anh C đề nghị chia đôi nợ chung.

+ Bị đơn chị Nguyễn Thị Linh G trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị G thống nhất yêu cầu khởi kiện của Anh C đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn với Anh C.

- Về con chung: Chị G đề nghị Tòa án giao các con chung cho Chị G trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục cho đến khi ở thành niên. Không yêu cầu Anh C phải cấp dưỡng. Đối với cháu Tạ Nguyễn Thị Yến N đến nay đã hơn 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị G đề nghị Tòa án chia tài sản chung theo tỷ lệ 7/3, trong đó Chị G được hưởng bảy phần, Anh C hưởng ba phần. Chị G yêu cầu Tòa án giao nhà, đất ở cho Chị G quản lý, sử dụng; Đối với đất trồng cây cao su, 920 cây cao su, Chị G cũng đề nghị giao cho Chị G quản lý, sử dụng, Chị G sẽ hoàn tiền giá trị chênh lệch cho Anh C theo tỷ lệ 7/3. Về tài sản của công ty T1 thì đề nghị Hội đồng xét xử giao cho Anh C.

- Về nợ chung: Chị G xác nhận hiện nay chỉ còn nợ Agribank T số tiền gốc 400.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh đến ngày 09/3/2021. Đối với khoản nợ 300.000.000 đồng (*ba trăm triệu đồng*) do Anh C tự ý vay và sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân nên Chị G không đồng ý trả nợ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ lời khai của các đương sự, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Tạ Văn C yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung; Bị đơn có nơi cư trú tại xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự theo đúng quy định



của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự đoàn tụ, tuy nhiên hòa giải không thành. Do đó, Tòa án mở phiên tòa để xét xử đối với vụ án.

## 2.1 Về việc vắng mặt của các đương sự:

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Tạ Quang V, bà Phạm Thị Ng1, Agribank T do ông Nguyễn Thanh D làm đại diện đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

Cháu Tạ Nguyễn Ngọc Th, cháu Tạ Nguyễn Khánh Ng, ông Mai Trí M và bà Đỗ Thị V1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai đầy đủ thể hiện tại hồ sơ vụ án, việc vắng mặt cháu Th, cháu Ng, Ông M, bà V1 không ảnh hưởng đến nội dung và bản chất của vụ án nên Tòa án xét xử vắng mặt.

2.2 Về việc Kiểm sát viên vắng mặt tại phiên tòa: Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh. Theo quy định tại khoản 4 Điều 58 Bộ luật tố tụng dân sự, Kiểm sát viên phải có nhiệm vụ tham gia phiên tòa; Ngoài ra đối tượng tranh chấp trong vụ án là quyền sử dụng đất và nhà ở nên căn cứ vào điểm đ, khoản 3 Điều 27 Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 31/8/2016 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân tối cao thì Kiểm sát viên phải tham gia phiên tòa; Tuy nhiên tại phiên tòa vắng mặt Kiểm sát viên không rõ lý do; Hội đồng xét xử xét thấy việc vắng mặt Kiểm sát viên không ảnh hưởng đến nội dung và bản chất của vụ án, không ảnh hưởng đến việc xét xử, do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 232 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án.

2.3 Về yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn về việc tiếp tục yêu cầu chia tài sản chung là tài sản của công ty T1: Yêu cầu khởi kiện bổ sung của Anh C không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, Chị G cũng đề nghị chia tài sản của công ty T1; Do đó căn cứ vào Điều 5; khoản 4 Điều 70; khoản 2 Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện bổ sung của Anh C là có căn cứ nên chấp nhận.

2.4 Về lời khai của ông Mai Trí M: Ông M cho rằng công ty T1 và toàn bộ tài sản của công ty thuộc quyền sở hữu của Ông M. Tuy nhiên tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp ngày 21/4/2016 (BL 29) thì Công ty T1 thuộc quyền sở hữu của anh Tạ Văn C, mặt khác khi vay vốn ngân hàng thì Anh C đứng tên người đại diện theo pháp luật xác lập hợp đồng vay vốn giữa công ty T1 với Agribank T với số tiền 700.000.000 đồng, Ông M không có ý kiến cũng như không phản đối; hiện trạng công ty T1 và tài sản của công ty vẫn do Anh C quản lý, sử dụng, tiền lãi của khoản vay ngân hàng vẫn do Anh C thực hiện.

Như vậy Anh C vẫn quản lý mọi hoạt động của công ty chứ không phải ông Mai Trí M. Do đó đủ cơ sở để xác định công ty T1 thuộc quyền sở hữu của anh Tạ Văn C. Tuy nhiên nếu ông Mai Trí M xét thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác về việc tranh chấp quyền sở hữu và tài sản của công ty T1.

[3] Về yêu cầu xác minh, thu thập chứng cứ của Viện kiểm sát:

Ngày 26/01/2021, Tòa án mở phiên tòa xét xử đối với vụ án. Sau khi hoãn phiên tòa, ngày 26/01/2021, Tòa án nhận được văn bản số 25/YC-VKS-DS đề ngày 22/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh về việc yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ với nội dung: “*Ngày 21/01/2021, nguyên đơn ông Tạ Văn C có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung trong tài sản của Công ty T1. Tiến hành lấy lời khai bị đơn bà Nguyễn Thị Linh G làm rõ bà G có yêu cầu chia tài sản chung trong công ty không?*”.

Hội đồng xét xử xét thấy, “Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện” của Anh C đề ngày 21/12/2020 (BL số 178) (trước phiên hòa giải) chứ không phải ngày 21/01/2021 như nhận định của Viện kiểm sát. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Chị G đã trình bày bản tự khai cho Tòa án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của Chị G về việc yêu cầu chia tài sản chung là tài sản của công ty T1. Chị G không có yêu cầu phản tố, mặt khác tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 24/12/2020, Tòa án đã công khai toàn bộ chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho các đương sự tiếp cận trong đó có “Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện” đề ngày 21/12/2020 của Anh C. Chị G không có ý kiến gì đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Anh C. Hơn nữa, tại phiên tòa, các đương sự đều được thực hiện quyền tranh tụng đầy đủ trong đó có phần yêu cầu chia tài sản của công ty T1 nằm trong khối tài sản chung vợ chồng.

Như vậy lời khai về việc Chị G yêu cầu chia tài sản chung là tài sản của công ty T1 nằm trong khối tài sản chung vợ chồng đã được Tòa án thu thập đầy đủ, do đó yêu cầu xác minh, thu thập chứng cứ của Viện kiểm sát là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

4.1 Về quan hệ hôn nhân: Anh Tạ Văn C và chị Nguyễn Thị Linh G tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 17/11/2001 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T nên quan hệ hôn nhân của hai đương sự là hợp pháp theo quy định tại Điều 8; Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Mặc dù Anh C và Chị G đã có thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau, sống chung với nhau trong khoảng thời gian dài, tuy nhiên hiện nay cuộc sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài nên mục đích của hôn nhân để xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018.

Đến nay, Anh C yêu cầu ly hôn, Chị G cũng thống nhất đề nghị xin ly hôn với Anh C. Do đó Hội đồng xét xử sẽ công nhận thuận tình ly hôn giữa các đương sự.

4.2 Về con chung: Anh Tạ Văn C và chị Nguyễn Thị Linh G có 03 người con chung gồm: Tạ Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 26/9/2002; Tạ Nguyễn Ngọc Th, sinh ngày 12/10/2009 và cháu Tạ Nguyễn Khánh Ng, sinh ngày 20/4/2015;

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Anh C và Chị G xác định cháu Tạ Nguyễn Thị Yến N đến nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với cháu Tạ Nguyễn Ngọc Th và cháu Tạ Nguyễn Khánh Ng, Anh C đề nghị Tòa án giao cháu Ng cho Anh C được quyền nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục cho đến khi thành niên; Không yêu cầu Chị G phải cấp dưỡng nuôi con; Chị G đề nghị Tòa án giao cháu Ng và cháu Th cho Chị G được quyền nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục cho đến khi thành niên; Yêu cầu Anh C phải cấp dưỡng nuôi con một lần cho Chị G với số tiền 100.000.000 đồng.

Xét thấy, các đương sự không thống nhất được với nhau về việc nuôi con. Các cháu Ng và Thảo đều có mong muốn được ở với Chị G, xét thực tế hiện nay các con đang chung sống với Chị G. Do đó để đảm bảo quyền lợi của các con trong việc sinh hoạt, học tập, đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho các con, Hội đồng xét xử sẽ giao cháu Ng và cháu Th cho Chị G được quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên;

Đối với yêu cầu của Chị G về việc cấp dưỡng một lần với số tiền 100.000.000 đồng; Tại phiên tòa, Anh C không đồng ý cấp dưỡng một lần mà đề nghị cấp dưỡng trong khả năng tài chính thực tế của Anh C. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay Anh C không có việc làm, không có thu nhập ổn định do đó việc tuyên buộc Anh C phải cấp dưỡng nuôi con không đảm bảo việc thi hành án. Do đó Hội đồng xét xử sẽ xem xét việc chia tài sản chung cho phù hợp để đảm bảo quyền lợi của Chị G trong việc cấp dưỡng nuôi con.

#### 4.3 Về tài sản chung:

Các đương sự đều thống nhất tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân gồm:

- 01 ngôi nhà cấp 4B diện tích 70m<sup>2</sup> gắn liền với diện tích 444m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 38, tờ bản đồ số 55; tọa lạc tại thôn Ph, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Theo Giấy chứng nhận số BI 916174 do UBND huyện T cấp ngày 04/4/2012 đứng tên hộ anh Tạ Văn C và chị Nguyễn Thị Linh G; trị giá 100.800.000 đồng.

- Nhà vệ sinh diện tích 5,1m<sup>2</sup> trị giá 2.346.000 đồng, bể nước trị giá 1.598.000 đồng, chái tạm mái lợp tol diện tích 26,8m<sup>2</sup> trị giá 670.000 đồng, mái vòm khung sắt tiền chế, mái lợp tol trị giá 6.396.000 đồng, hàng rào tường xây gạch, khung sắt trị giá 3.993.000 đồng, giếng đào trị giá 213.000 đồng.

- Diện tích 444m<sup>2</sup> (150m<sup>2</sup> đất ở tại nông thôn, 294m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa đất số 38, tờ bản đồ số 55; tọa lạc tại thôn Ph, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình

Thuận. Theo Giấy chứng nhận số BI 916174 do UBND huyện T cấp ngày 04/4/2012 đứng tên hộ anh Tạ Văn C và chị Nguyễn Thị Linh G; trị giá 1.190.000.000 đồng.

Tổng giá trị đất, nhà, các tài sản gắn liền với đất trị giá 1.305.346.000 đồng (*một tỷ ba trăm lẻ năm triệu ba trăm bốn mươi sáu triệu đồng*).

- Diện tích 884,5m<sup>2</sup> (đất trồng lúa) thuộc thửa đất số 650, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại thôn Ph, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Theo Giấy chứng nhận số BY 635052 do UBND huyện T cấp ngày 30/6/2015 đứng tên anh Tạ Văn C; Diện tích 1.623,6m<sup>2</sup> (đất trồng lúa), thuộc thửa đất số 74, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại thôn Ph, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Theo Giấy chứng nhận số CH 201789 do UBND huyện T cấp ngày 10/10/2017 đứng tên anh Tạ Văn C, trị giá 75.243.000 đồng (*bảy mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn đồng*).

- Diện tích 17.184,6m<sup>2</sup> (đất trồng cây cao su) thuộc thửa đất số 225, tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại thôn Ph, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Theo Mảnh chính lý thửa đất do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai T lập ngày 17/7/2020, trị giá 412.430.400 đồng (*bốn trăm mười hai triệu bốn trăm ba mươi nghìn bốn trăm đồng*).

- 920 cây cao su 08 năm tuổi đang cho thu hoạch gắn liền với thửa đất số 225, tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại thôn Ph, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Theo Mảnh chính lý thửa đất do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai T lập ngày 17/7/2020, trị giá 276.000.000 đồng (*hai trăm bảy mươi sáu triệu đồng*).

Tổng giá trị đất trồng cây cao su và cây cao su trị giá 688.430.400 đồng (*sáu trăm tám mươi tám triệu bốn trăm ba mươi nghìn bốn trăm đồng*).

- Toàn bộ tài sản của Công ty TNHH một thành viên thương mại dịch vụ T1 Bình Thuận; Địa chỉ thôn Ph, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận do anh Tạ Văn C làm đại diện theo pháp luật, trị giá 69.736.000 đồng (*sáu mươi chín triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn đồng*).

Tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng Anh C, Chị G theo giá thị trường đã được định giá tại thời điểm định giá trị giá 2.138.755.000 đồng (*hai tỷ một trăm ba mươi tám triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng*).

Nguyên đơn Anh C đề nghị Hội đồng xét xử chia đôi tài sản chung theo tỷ phần, bên nào nhận tài sản có giá trị lớn hơn phải hoàn tiền giá trị chênh lệch.

Bị đơn Chị G có đơn trình bày yêu cầu chia tài sản chung theo tỷ lệ Chị G được hưởng 70% tổng giá trị tài sản, đồng thời đề nghị được nhận nhà và đất ở, đất trồng cây cao su, 920 cây cao su, đất trồng lúa. Chị G cho rằng mình có công sức đóng góp nhiều hơn trong việc tạo lập các tài sản chung so với Anh C như thu nhập từ việc buôn bán, tiền vay mượn của cha mẹ để mua đất, xây nhà... Tuy nhiên Chị G không đưa ra được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc có công sức

đóng góp nhiều hơn trong việc tạo lập khối tài sản chung, do đó yêu cầu này của Chị G không đủ căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định của pháp luật thì vợ chồng bình đẳng với nhau về quyền và nghĩa vụ trong việc tạo lập tài sản chung, không phân biệt giữa lao động trong gia đình và lao động có thu nhập. Tuy nhiên xét nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc Anh C có quan hệ ngoài hôn nhân. Mặt khác xét điều kiện thực tế hiện nay Chị G vẫn đang nuôi dưỡng 03 người con chung. Do đó Hội đồng xét xử sẽ chia cho Chị G được phần tài sản nhiều hơn Anh C.

Xét thấy hiện nay Chị G đang quản lý, sử dụng nhà và đất ở, mặt khác Chị G và các con không còn chỗ ở nào khác, Chị G đang chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, do đó để đảm bảo quyền lợi cho Chị G và các con, Hội đồng xét xử sẽ giao nhà và đất ở cho Chị G quản lý, sử dụng.

Đối với tài sản chung là đất trồng cây cao su, 920 cây cao su, đất trồng lúa, và tài sản của công ty T1 xét thấy Anh C có nhu cầu sử dụng, phù hợp với công việc hiện nay của Anh C, mặt khác toàn bộ các tài sản này đều thấp hơn nhiều so với giá trị nhà và đất được giao cho Chị G. Do đó, Hội đồng xét xử cần giao cho Anh C quản lý, sử dụng là phù hợp.

#### 4.4 Về nợ chung:

Quá trình giải quyết vụ án, Anh C thừa nhận hiện nay vợ chồng đang nợ Agribank T số tiền 700.000.000 đồng là tiền nợ vay gốc và toàn bộ tiền lãi phát sinh của số tiền nợ vay gốc tính đến ngày xét xử 09/3/2021. Chị G thì cho rằng chỉ nợ Agribank T số tiền 400.000.000 đồng là tiền nợ vay gốc và toàn bộ tiền lãi phát sinh của số tiền nợ vay gốc tính đến ngày xét xử 09/3/2021.

+ Về khoản nợ vay 400.000.000 đồng: Căn cứ vào Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số DN 007.16/HĐTC ngày 11/11/2016 được xác lập ngày 11/11/2016 giữa Agribank T với vợ chồng Anh C, Chị G thể hiện số tiền vay là 400.000.000 đồng. Mục đích vay tiền để đầu tư mua gỗ và xây dựng phân xưởng, phục vụ sản xuất kinh doanh của công ty T1. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Chị G và Anh C đều xác nhận khoản nợ này. Lời khai của Anh C và Chị G phù hợp với lời khai của Agribank T. Do đó đủ căn cứ để xác định hiện nay Anh C và Chị G đang nợ Agribank T số tiền nợ vay gốc và lãi tính đến ngày 09/3/2021 là 475.167.000 đồng.

+ Về khoản nợ vay 300.000.000 đồng: Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Chị G không thừa nhận khoản vay này, Chị G cho rằng Anh C vay tiền sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân, Chị G không biết cũng không liên quan đến khoản vay này, tuy nhiên Chị G không có tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời khai này. Tại phiên tòa, Chị G khẳng định từ lúc vay tiền đến khi phát sinh mâu thuẫn vợ chồng (năm 2018), Chị G thừa nhận Anh C là người trả lãi cho Ngân hàng, Chị G vẫn đưa tiền

cho Anh C trả lãi cho Ngân hàng, như vậy Chị G hoàn toàn biết về khoản vay này. Hơn nữa tại thời điểm xác lập hợp đồng vay thì vợ chồng chưa phát sinh mâu thuẫn, mặt khác Anh C khai nhận toàn bộ số tiền vay ngân hàng đều sử dụng vào việc đầu tư nguyên vật liệu, nhà xưởng và phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh của công ty T1, phù hợp với mục đích vay vốn tại hợp đồng tín dụng với ngân hàng.

Ngoài ra căn cứ vào Luật hôn nhân và gia đình quy định:

Điều 27. Trách nhiệm liên đới của vợ, chồng

*1. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26 của Luật này.*

*2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này.*

Điều 37. Nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng

*Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây:*

*2. Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình.*

Như vậy, căn cứ vào các quy định của pháp luật nêu trên thì các giao dịch mà do một bên vợ hoặc chồng xác lập để nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình thì vợ và chồng phải chịu trách nhiệm liên đới. Cụ thể Chị G vẫn phải chịu trách nhiệm liên đới mặc dù Chị G không xác lập hợp đồng vay.

Từ những nhận định trên xét thấy đủ cơ sở để xác định khoản nợ chung của Anh C và Chị G đối với số tiền 341.758.000 đồng.

Như vậy đủ căn cứ để xác định tổng cộng số tiền nợ vay cả gốc và lãi tính đến ngày 09/3/2021 của Anh C và Chị G đối với Agribank T là 816.925.000 đồng (*tám trăm mười sáu triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng*). Hội đồng xét xử xét thấy cần tuyên buộc vợ chồng Chị G, Anh C phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng Agribank T số tiền nêu trên.

[5] Về chi phí tố tụng: Tại phiên tòa, Anh C tự nguyện chịu chi phí tố tụng như chi phí đo đạc vẽ bản đồ, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản, Anh C không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí:

- Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Các đương sự phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm tương đương với giá trị phần tài sản được chia theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Căn cứ vào:**

- Điều 5; khoản 1, khoản 2 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 58; khoản 4 Điều 70; khoản 2 Điều 71; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 232 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 209; Điều 213; Điều 219 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 8; Điều 9; Điều 27; Điều 29; khoản 1 Điều 30; Điều 33; Điều 37; khoản 1 Điều 51; Điều 55; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Tạ Văn C và chị Nguyễn Thị Linh G.

2. Về quyền nuôi con: Giao cho chị Nguyễn Thị Linh G được quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Tạ Nguyễn Ngọc Th, sinh ngày 12/10/2009 và cháu Tạ Nguyễn Khánh Ng, sinh ngày 20/4/2015 cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

### **3. Về tài sản chung:**

3.1 Giao cho chị Nguyễn Thị Linh G được quyền quản lý, sử dụng diện tích 444m<sup>2</sup> (150m<sup>2</sup> đất ở tại nông thôn, 294m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa đất số 38, tờ bản đồ số 55; tọa lạc tại thôn Ph, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận, theo Giấy chứng nhận số BI 916174 do UBND huyện T cấp ngày 04/4/2012 đứng tên hộ anh Tạ Văn C và chị Nguyễn Thị Linh G;

- Giao cho chị Nguyễn Thị Linh G được quyền sở hữu 01 ngôi nhà cấp 4B diện tích 70m<sup>2</sup> gắn liền với diện tích 444m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 38, tờ bản đồ số 55 tọa lạc tại thôn Ph, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận, theo Giấy chứng nhận số BI 916174 do UBND huyện T cấp ngày 04/4/2012 đứng tên hộ anh Tạ Văn C và chị Nguyễn Thị Linh G và toàn bộ các tài sản khác gắn liền với thửa đất.

Tổng giá trị tài sản chị Nguyễn Thị Linh G được chia là 1.305.346.000 đồng (*một tỷ ba trăm lẻ năm triệu ba trăm bốn mươi sáu triệu đồng*).

3.2 Giao cho anh Tạ Văn C được quyền quản lý, sử dụng diện tích 17.184,6m<sup>2</sup> (đất trồng cây cao su) thuộc thửa đất số 225, tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại thôn Ph, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận, theo Mảnh chính lý thửa đất do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Tánh Linh lập ngày 17/7/2020; 920 cây cao su 08 năm tuổi đang cho thu hoạch gắn liền với thửa đất số 225, tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại thôn Ph, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận, theo Mảnh chính lý thửa đất do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Tánh Linh lập ngày 17/7/2020.

- Giao cho anh Tạ Văn C được quyền quản lý, sử dụng diện tích 884,5m<sup>2</sup> (đất trồng lúa) thuộc thửa đất số 650, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại thôn Ph, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận, theo Giấy chứng nhận số BY 635052 do UBND huyện T cấp ngày 30/6/2015 đứng tên anh Tạ Văn C; Diện tích 1.623,6m<sup>2</sup> (đất trồng lúa), thuộc thửa đất số 74, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại thôn Ph, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Theo Giấy chứng nhận số CH 201789 do UBND huyện T cấp ngày 10/10/2017 đứng tên anh Tạ Văn C và toàn bộ tài sản của công ty T1.

Tổng giá trị tài sản anh Tạ Văn C được chia là 833.409.000 đồng (*tám trăm ba mươi ba triệu bốn trăm lẻ chín nghìn đồng*).

4. Về nợ chung: Anh Tạ Văn C và chị Nguyễn Thị Linh G phải có trách nhiệm liên đới trả cho Agribank T tổng cộng số tiền 816.925.000 đồng (*tám trăm mười sáu triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) và toàn bộ tiền lãi phát sinh của số tiền nêu trên kể từ ngày 10/3/2021; Được chia phần đều nhau, cụ thể như sau:

- Chị Nguyễn Thị Linh G phải trả cho Agribank T số tiền 408.462.500 đồng (*bốn trăm lẻ tám triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng*) và toàn bộ tiền lãi phát sinh của số tiền nêu trên kể từ ngày 10/3/2021;

- Anh Tạ Văn C phải trả cho Agribank T số tiền 408.462.500 đồng (*bốn trăm lẻ tám triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng*) và toàn bộ tiền lãi phát sinh của số tiền nêu trên kể từ ngày 10/3/2021.

Anh Tạ Văn C và chị Nguyễn Thị Linh G có quyền và nghĩa vụ đăng ký quyền sử dụng đất tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật đất đai đối với diện tích đất được chia.

5. Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của



số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### 7. Về án phí:

7.1 Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Tạ Văn C phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

#### 7.2 Về án phí chia tài sản chung:

- Anh Tạ Văn C phải nộp 37.002.000 đồng (*ba mươi bảy triệu không trăm lẻ hai nghìn đồng*) tiền án phí chia tài sản chung.

- Chị Nguyễn Thị Linh G phải nộp 51.160.000 đồng (*năm mươi một triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng*) tiền án phí chia tài sản chung.

#### 7.3 Về án phí chia nợ chung:

- Anh Tạ Văn C phải nộp 20.338.500 đồng (*hai mươi triệu ba trăm ba mươi tám nghìn năm trăm đồng*) tiền án phí chia nợ chung.

- Chị Nguyễn Thị Linh G 20.338.500 đồng (*hai mươi triệu ba trăm ba mươi tám nghìn năm trăm đồng*) tiền án phí chia nợ chung.

Tổng cộng anh Tạ Văn C phải nộp tiền án phí là 57.340.500 đồng nhưng được khấu trừ 25.125.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0027108 ngày 12/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Anh Tạ Văn C còn phải nộp 32.215.500 đồng (*ba mươi hai triệu hai trăm mười lăm nghìn năm trăm đồng*) tiền án phí.

Chị Nguyễn Thị Linh G phải nộp tiền án phí là 71.498.500 đồng (*bảy mươi một triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn năm trăm đồng*).

8. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn và bị đơn; nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 09/3/2021; Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tánh Linh;
- UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận (thay  
thông báo);
- Lưu: VP, án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Văn Bình**